

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1757/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên
ngân sách trung ương năm 2026 (đợt 4) cho các bộ, cơ quan trung ương
và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035,
giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 246/2025/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2026 - 2030 (đợt 1) và ngân sách trung ương năm 2026 (đợt 2) của các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về giao bổ sung dự toán chi ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2026 (đợt 2) cho các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm

nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1628/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 (đợt 3) cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện Chương trình;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Tờ trình số 693/TTr-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung 192,251 tỷ đồng dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 (đợt 4) của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030, cụ thể như sau:

1. Giao bổ sung 64,01 tỷ đồng cho 9 bộ, cơ quan trung ương theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Giao bổ sung 128,241 tỷ đồng cho Ủy ban nhân dân 27 tỉnh, thành phố theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan trung ương được giao dự toán tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm phân bổ, giao dự toán chi tiết đến lĩnh vực chi, nhiệm vụ; tổ chức thực hiện, giải ngân theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan; bảo đảm khả năng giải ngân trong năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố được giao bổ sung dự toán tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này thực hiện phân bổ, giao dự toán chi tiết cho các sở, ban, cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; gửi kết quả phân bổ chi tiết theo dự án thành phần, lĩnh vực chi về Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, theo dõi.

3. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, thông tin, số liệu; sử dụng kinh phí đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung, chế độ, tiêu chuẩn, định mức; không trùng lặp với chương trình, dự án, nhiệm vụ chi khác; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, không để xảy ra thất thoát, lãng phí và không để phát sinh kinh phí không sử dụng hết phải chuyển nguồn do nguyên nhân chủ quan.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm về căn cứ, nguyên tắc, tiêu chí, đối tượng, nội dung và số liệu của phương án phân bổ; hướng

dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc phân bổ, tổ chức thực hiện, giải ngân; tổng hợp tình hình thực hiện, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các bộ, cơ quan trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố được giao dự toán tại Điều 1 Quyết định này và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương nêu tại Điều 1;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: NN, QHĐP, KGVX;
- Lưu: VT, KTTH (2)₁₂



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Văn Thắng



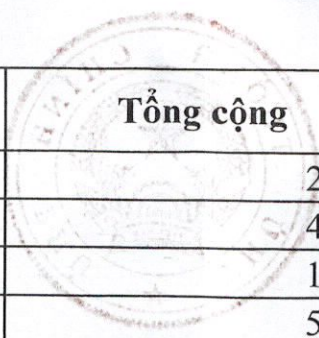
Phụ lục

**GIẤO BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2026 (ĐỢT 4) CHO CÁC BỘ,
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI,
GIAM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Quyết định số 1757/QĐ-TTg
ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Bộ, cơ quan trung ương, địa phương	Tổng cộng
	Tổng cộng	192,251
I	BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG	64,010
1	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	13,350
2	Bộ Xây dựng	3,300
3	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	9,782
4	Bộ Tư pháp	14,300
5	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	3,000
-	Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	1,000
-	Trung ương Hội Nông dân Việt Nam	2,000
6	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	8,100
7	Đài Truyền hình Việt Nam	8,928
8	Kiểm toán Nhà nước	3,250
II	ĐỊA PHƯƠNG	128,241
1	Tuyên Quang	9,528
2	Cao Bằng	4,729
3	Lạng Sơn	4,109
4	Lào Cai	6,293
5	Phú Thọ	7,326
6	Thái Nguyên	5,370
7	Sơn La	5,717
8	Lai Châu	2,918
9	Điện Biên	3,772
10	Bắc Ninh	3,044
11	Hung Yên	2,914
12	Ninh Bình	3,628
13	Thanh Hóa	7,831
14	Nghệ An	6,853



TT	Bộ, cơ quan trung ương, địa phương	Tổng cộng
15	Hà Tĩnh	2,525
16	Quảng Trị	4,241
17	Huế	1,081
18	Quảng Ngãi	5,497
19	Khánh Hòa	2,692
20	Gia Lai	6,728
21	Đắk Lắk	5,567
22	Lâm Đồng	5,360
23	Vĩnh Long	5,823
24	Cần Thơ	3,639
25	Đồng Tháp	3,164
26	An Giang	4,343
27	Cà Mau	3,549